

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 07 /HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2020

‘V/v xin ly hôn’

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SH, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ka Sô Bách

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Niê Y Ling;

2. Bà Bùi Thị Lùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện VKSND huyện SH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đ.T.T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Y.B, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh N.X.TR, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Y.B, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa – Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ.T.T trình bày:

Về hôn nhân:

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2002 chị T có đăng ký kết với anh Tr. tại Ủy ban nhân dân xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vì anh Tr. thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, mỗi lần say rượu về nhà vô cớ gây sự và thường xuyên dùng vũ lực với vợ con, chị T không chịu đựng được những trận đòn

nên đã sống ly thân với anh Tr. từ năm 2014 đến nay không quan tâm, chăm sóc nhau nữa.

Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh Tr..

Về con chung; Chị T và anh Tr. có 03 con chung tên N.N.S, sinh ngày 16/6/1996; N.T.N.D, sinh ngày 15/9/2002 và N.T.Y.N, sinh ngày 27/8/2008. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu anh Tr. cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn trình bày tại hồ sơ:

Về hôn nhân, con chung và tài sản anh Tr. thống nhất như lời trình bày của chị T. Vợ chồng đã Sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn theo nguyện vọng của chị T.

Khi ly hôn, giao các con chung chưa đủ 18 tuổi cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dạy đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh Tr. không phải chịu cấp dưỡng. Anh Tr. đã đi làm ăn xa, không có điều kiện về nên yêu cầu tòa xét xử vắng mặt anh Tr..

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Tr. và yêu cầu được nuôi cả 02 người con chung chưa đủ 18 tuổi là N.T.N.D và N.T.Y.N, không yêu cầu anh Tr. cấp dưỡng và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung.

Anh Tr. đã được tòa án niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng anh Tr. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định về quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

-Đề nghị HĐXX chấp nhận theo đơn khởi kiện của chị T cho chị T được ly hôn với anh Tr. và giao 02 người con chung chưa đủ 18 tuổi là N.T.N.D và N.T.Y.N cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dạy đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh Tr. không cấp dưỡng nuôi con;

-Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị T có đơn đề nghị tòa án giải quyết việc xin ly hôn với anh Tr., trú tại: Thôn Y.B, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án nhân dân huyện SH thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại hồ sơ anh Tr. có yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đ.T.T và anh N.X.TR tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên vào ngày 13 tháng 9 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình chung sống giữa chị T và anh Tr. không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị T đã sống ly thân với anh Tr. từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình bền vững, hạnh phúc và tiến bộ không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về con chung:

-Nguyên vọng được quyền trực tiếp nuôi dạy con khi ly hôn của cha, mẹ là chính đáng, hợp pháp. Xét lời khai tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, chị T và anh Tr. có 03 (Ba) người con chung tên N.N.S, sinh ngày 16/6/1996; N.T.N.D, sinh ngày 15/9/2002 và N.T.Y.N, sinh ngày 27/8/2008 đang sống ổn định với mẹ, sức khỏe, tâm sinh lý phát triển bình thường, anh N.N.S đã trưởng thành, có sức khỏe tốt và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình, nên khi ly hôn giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi cả 02 người con chưa đủ 18 tuổi là cháu N.T.N.D và N.T.Y.N để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tâm sinh lý của các cháu là đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyên vọng của các cháu.

-Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích theo quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn không yêu cầu anh Tr. cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung:

Chị T, anh Tr. không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ Luật tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.T.T. Chị Đ.T.T được ly hôn với anh N.X.TR.

[2]Về con chung:

Giao cho chị Đ.T.T trực tiếp nuôi 02 con chung tên N.T.N.D, sinh ngày 15/9/2002 và N.T.Y.N, sinh ngày 27/8/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh N.X.TR không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3].Về án phí:

Chị Đ.T.T phải chịu 300.000^d án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0015188 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên. Chị Đ.T.T đã thi hành xong.

4].Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi Nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện SH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Ka Sô Bách

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ka Sô Bách